TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST Ngày 29 - 8 - 2023 "V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chi Lưu Thị H, sinh năm: 1989.

HKTT: Xóm 3, Mễ X, Nguyễn T, Ân T, Hưng Y.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987.

HKTT: Xóm 3, Mễ X, Nguyễn T, Ân T, Hưng Y.

Hiện đang ở Hàn Q.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Lưu Thái A, sinh ngày 18/9/2011. Địa chỉ: Xóm 3, Mễ X, Nguyễn T, Ân T, Hưng Y; Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Lưu Thái A: Anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị H là bố mẹ đẻ của cháu.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1960.

HKTT: Xóm 3, Mễ X, Nguyễn T, Ân T, Hưng Y.

2. Bà Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957

HKTT: Thôn Đức H, xã Ia N, Đức C, Gia L.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn T, huyện Ân T vào ngày 22/02/2011. Sau khi cưới, anh chị về sống cùng bố mẹ anh T tại xóm 3, thôn Mễ X, Nguyễn T, Ân T, tỉnh Hưng Y. Năm 2016, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài L. Khoảng năm 2019, anh T cũng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Q, hiện nay anh T vẫn đang lao động tại Hàn Q. Đến ngày 10/6/2023 chị H về Việt Nam.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân xuất phát từ việc anh T là lái xe đường dài có hiểu hiện không chung thủy, quan hệ trai gái ngoài vợ, ngoài chồng. Chị và anh T đã tâm sự nói chuyện với nhau và tạo cho nhau cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi, cuộc sống gia đình cực kỳ bế tắc và thậm chí là căng thẳng, ngột ngạt. Sau một thời gian để hai bên hồi tâm chuyển ý, tạo điều kiện cho nhau nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có lối thoát. Chị và anh T xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nên thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau và xây dựng hạnh phúc mới.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Lưu Thái A, sinh ngày 18/9/2011. Cháu hiện đang ở với ông bà nội. Vì lý do sắp tới chị đi lao động xuất khẩu tại Đài L nên chị và anh T đã thống nhất giao cháu Thái A cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến năm 18 tuổi, cháu tiếp tục ở với ông bà nội. Ban đầu chị H có quan điểm cấp dưỡng cho cháu Thái A 3.000.000đ/tháng. Nhưng sau đó chị H thay đổi quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ nần và các vấn đề khác: Chị H xác định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tháng 7/2023, chị H tiếp tục đi Đài L làm việc. Chị ủy quyền cho bà Nguyễn Văn N (mẹ ruột) nhận thay chị các văn bản của Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày lời khai qua Zalo có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh T):

Hiện nay anh đang làm việc tại Hàn Q, công việc rất bận và địa lý xa xôi nên anh không thể xin xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam tại Hàn Q để gửi văn bản trình bày quan điểm của mình về việc chị H xin ly hôn cho Tòa án được. Đối với các văn bản của Tòa án gửi cho anh thông qua gia đình, anh đều được gia đình thông báo lại cho biết nội dung của các văn bản này.

Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau cũng như về mâu thuẫn vợ chồng và con chung như chị H trình bày. Do mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị H nên nhất trí ly hôn.

Đối với con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Nguyễn Lưu Thái A, anh T nhất trí với quan điểm của chị H, giao cháu cho anh chăm sóc giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, để cháu ổn định cuộc sống. Về cấp dưỡng anh T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh nhất trí với quan điểm của chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không về Tòa án tham gia tố tụng được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn Đ nhận thay anh các văn bản của Tòa án và nhờ ông Đ chăm sóc cháu Thái A trong thời gian anh chưa về Việt Nam.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Lưu Thái A trình bày:

Cháu là con của mẹ H, bố T. Bố mẹ cháu đi nước ngoài từ khi cháu còn bé. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà nội. Ông bà nội cháu chăm sóc cháu rất chu đáo. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố và tiếp tục ở cùng ông bà nội. Do cháu phải đi học nên cháu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng trình bày:

- Ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh T): Về việc cưới xin, đăng ký kết hôn, con của anh chị như chị H và anh T trình bày. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn xảy ra do anh chị nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Anh chị ly thân nhau từ năm 2016 khi chị H đi Đài L lần đầu tiên. Hiện tại anh T đang ở Hàn Q. Gia đình ông đã hòa giải, khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng không được. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị H. Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Lưu Thái A. Hiện tại cháu Anh đang ở với gia đình ông. Ông và gia đình sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để cháu phát triển. Về tài sản, nợ nần, các vấn đề khác ông không có yêu cầu gì. Ông có quan điểm xin giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Văn N (mẹ đẻ chị T): Về điều kiện hoàn cảnh, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống con chung của anh chị như chị H và anh T trình bày. Anh chị có thời gian chung sống cùng nhau với bà tại Gia L. Thời gian này bà thấy anh chị thỉnh thoảng lại xảy ra cãi vã nhau vì những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, sau đó lại tiếp tục chung sống cùng nhau. Đến nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Sắp tới chị H có đi xuất khẩu lao động tại Đài L chị có ủy quyền cho bà nhận thay chị các văn bản của Tòa án, bà nhất trí với việc ủy quyền này, bà đề nghị Tòa án gửi các văn bản cho chị T theo địa chỉ ông Lưu Văn Dân và bà Nguyễn Văn N,

địa chỉ: số 6, thôn Đức H, xã Ianan, huyện Đức C, Gia L. Vì lý do bận công việc và địa lý xa xôi nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn T, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y cung cấp: Ngày 22/02/2011, anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn T tại số 13 quyển số 01 năm 2011. Theo hồ sơ xác nhận thông tin cư trú của hộ anh T có vợ là chị H và có con là cháu Nguyễn Lưu Thái A sinh ngày 18/9/2011.

Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Có thông tin cấp hộ chiếu của trường hợp Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/9/1987 tại Hưng Y, CCCD số 145231109; khai hộ khẩu thường trú tại thôn Mễ X, Nguyễn T, Ân T, Hưng Y; đã sử dụng hộ chiếu số C3731206 để xuất cảnh ngày 23/04/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Y phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Luu Thị H. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Lưu Thái A, sinh ngày 18/9/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác không giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lưu Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú: Xóm 3, Mễ X, Nguyễn T, Ân T, tỉnh Hưng Y. Hiện anh T đang lao động tại Hàn Q. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c

khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Y.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị H thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự do tìm hiểu, có đủ điều kiện để kết hôn và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn T, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y vào ngày 22/02/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị nghi ngờ nhau sống không chung thủy có quan hệ tình cảm ngoài vợ chồng. Anh chị có thời gian sống ly thân đã lâu, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống gia đình. Cả hai anh chị đều không mong muốn hàn gắn, giữ gìn cuộc hôn nhân hiện tại. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lưu Thái A, sinh ngày 18/9/2011. Hiện cháu Thái A đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị H, anh T, cháu Thái A cùng có quan điểm giao cháu Thái A cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến năm 18 tuổi. Anh T đã nhờ bố đẻ chăm sóc cháu Thái A thay anh trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, việc giao cháu Thái A cho anh T chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị H, anh T cũng như của chính cháu Thái A. Phù hợp với hiện thực khách quan, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, đảm bảo cho cháu Thái A phát triển tốt nhất, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, anh T; giao cháu Thái A cho anh T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí:

Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lưu Thái A, sinh ngày 18/9/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của cháu Thái A; chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 283 ngày 20/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Y. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Y;
- Cục THA tỉnh Hưng Y;
- UBND xã Nguyễn T;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Trung Thực